

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 43



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

7A/68 Thành Thái, Phường 14, Quận 10

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Nhóm Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tâm Tiến	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2022)
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Bà Đào Thị Minh Huệ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên
Ông Lê Như Phước An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Đức Xuyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Bà Đỗ Tú Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Đỗ Văn Kiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Vũ Đình Tân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Mẫn	Trưởng ban
Bà Đường Thị Ngọc Ân	Thành viên
Ông Cao Thiện	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Nhã Uyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Tổng Giám đốc

Ông Lê Như Phước An

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Như Phước An	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

7A/68 Thành Thái, Phường 14, Quận 10

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lê Như Phước An

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số: 0264 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ"), và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 28 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, mô tả công ty con của Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 890.934.303.587 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 605.389.523.330 đồng), và khoản doanh thu phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2022 là 285.544.780.257 đồng, liên quan đến sản lượng điện bán cho Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam được sản xuất từ phần công suất 172,12 MW của dự án Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam theo giá bán được ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Nhóm Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 21 tháng 6 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.542.741.381.910	3.038.360.056.600
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	87.792.700.073	35.322.931.846
1. Tiền	111		87.156.906.963	35.322.931.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		635.793.110	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.389.025.894.089	2.927.243.726.931
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.071.221.536.629	1.615.791.294.798
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	616.918.460.422	562.633.336.588
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	408.626.063.834	412.175.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	299.421.445.565	343.805.707.906
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(7.161.612.361)	(7.161.612.361)
IV. Hàng tồn kho	140	11	26.671.205.901	35.374.676.180
1. Hàng tồn kho	141		26.671.205.901	35.374.676.180
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.251.581.847	40.418.721.643
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	12.767.770.138	10.688.458.027
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.483.811.709	29.220.234.869
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	-	510.028.747

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.969.223.105.866	34.208.600.496.542
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		457.682.859.468	169.053.859.468
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	400.000.000.000	111.371.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	57.682.859.468	57.682.859.468
II. Tài sản cố định	220		31.844.768.785.210	32.222.885.096.376
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	31.490.230.498.153	31.864.523.376.420
- Nguyên giá	222		35.443.100.643.017	35.006.260.196.105
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.952.870.144.864)	(3.141.736.819.685)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	354.538.287.057	358.361.719.956
- Nguyên giá	228		376.409.900.861	376.271.124.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.871.613.804)	(17.909.404.184)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.260.188.525	9.258.588.525
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	3.260.188.525	9.258.588.525
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.135.582.089.636	1.281.482.719.593
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	1.135.582.089.636	1.281.482.719.593
V. Tài sản dài hạn khác	260		527.929.183.027	525.920.232.580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	76.243.317.498	80.380.367.835
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	6.512.926.125	4.702.932.641
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		70.893.648.723	57.507.673.999
4. Tài sản dài hạn khác	268	18	374.279.290.681	383.329.258.105
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		37.511.964.487.776	37.246.960.553.142

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.776.156.654.633	26.666.497.292.179
I. Nợ ngắn hạn	310		7.284.467.285.869	6.459.179.258.733
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	469.311.511.985	829.243.818.184
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	114.356.244.443	111.571.043.325
3. Phải trả người lao động	314		2.298.902.904	4.224.515.161
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.227.288.602.215	742.459.903.883
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.415.746.401.288	1.218.730.391.526
6. Vay ngắn hạn	320	23	4.044.195.243.264	3.541.679.206.884
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.270.379.770	11.270.379.770
II. Nợ dài hạn	330		19.491.689.368.764	20.207.318.033.446
1. Vay dài hạn	338	24	19.092.007.059.817	19.807.635.724.499
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	399.682.308.947	399.682.308.947
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.735.807.833.143	10.580.463.260.963
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	10.735.807.833.143	10.580.463.260.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		9.083.049.770.000	9.083.049.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		9.083.049.770.000	9.083.049.770.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.896.002.518	16.896.002.518
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.157.431.823	59.003.501.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		58.636.718.894	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		51.520.712.929	59.003.501.975
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.525.704.628.802	1.421.513.986.470
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		37.511.964.487.776	37.246.960.553.142

Trịnh Thuỳ Chi

Trịnh Thuỳ Chi
Người lập biểu

Đình Tấn Phi

Đình Tấn Phi
Kế toán trưởng



Lê Như Phước An
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2022

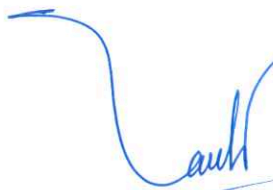
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.010.133.024.895		-	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	28	3.010.133.024.895		-	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.266.643.942.859		-	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.743.489.082.036		-	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	58.445.847.236		206.488.417	
6. Chi phí tài chính	22	32	1.134.708.124.951		-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.119.591.586.985		-	
7. Phần lỗ trong công ty liên kết	24	16	(145.900.629.957)		-	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	36.452.676.663		11.430.060	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+24+(21-22)-(25+26))	30		484.873.497.701		195.058.357	
10. Thu nhập khác	31		1.657.549.254		-	
11. Chi phí khác	32		3.893.605.908		-	
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(2.236.056.654)		-	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		482.637.441.047		195.058.357	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	4.327.857.999		-	
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(1.809.993.484)		-	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		480.119.576.532		195.058.357	
Phân bổ cho:						
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		370.335.759.505		195.058.357	
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		109.783.817.027		-	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	408		163	



Trinh Thùy Chi
Người lập biểu



Đinh Tấn Phi
Kế toán trưởng



Lê Như Phước An
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	482.637.441.047	195.058.357
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	815.095.534.799	-
Các khoản dự phòng	03	9.049.967.424	-
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	98.079.629.035	(206.488.417)
Chi phí lãi vay	06	1.119.591.586.985	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.524.454.159.290	(11.430.060)
Thay đổi khoản phải thu	09	(450.277.420.598)	(104.000)
Thay đổi hàng tồn kho	10	8.703.470.279	-
Thay đổi các khoản phải trả	11	127.766.620.788	6.600.000
Thay đổi chi phí trả trước	12	(6.992.229.198)	471.060
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.066.221.689.759)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.366.443.807)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.134.066.466.995	(4.463.000)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(461.218.032.956)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(895.305.063.834)	(11.950.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	590.225.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.677.762.803	22.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(714.620.333.987)	(11.949.977.337)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	12.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.373.819.392.107	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.598.186.117.822)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(142.609.639.066)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(366.976.364.781)	12.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	52.469.768.227	45.559.663
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.322.931.846	1.891.015
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	87.792.700.073	47.450.678

Trịnh Thuỳ Chi
Người lập biểu

Đinh Tấn Phi
Kế toán trưởng



Lê Như Phước An
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0316559203 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 10 năm 2020, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Cổ đông của Công ty mẹ bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam, được thành lập tại Việt Nam, và các cá nhân. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam (gọi tắt là "Tập đoàn Trung Nam"), được thành lập tại Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 183 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 175 người).

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

Nhóm Công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện, xây dựng công trình điện; bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu, nhiên liệu; cho thuê máy móc, thiết bị; trồng trọt và chăn nuôi, trồng rừng và chăm sóc rừng; khai thác thủy sản, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; thoát nước và xử lý nước thải, xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xây dựng nhà, công trình đường bộ, đường sắt và các công trình kỹ thuật dân dụng khác; vận tải hành khách, hàng hoá đường thủy nội địa, bốc xếp và hoạt động dịch vụ hỗ trợ; hoạt động kiến trúc, tư vấn, kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ, 7 công ty con trực tiếp, 1 công ty con gián tiếp và 1 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Công ty con

Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam (gọi tắt là "TNTNSP"), trước đây là Công ty Cổ phần Điện mặt trời Phước Minh, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4500622398 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 4 năm 2018, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 2.411.409.000.000 đồng. Trụ sở đăng ký của TNTNSP đặt tại Thôn Quán Thê 1, Xã Phước Minh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của TNTNSP bao gồm sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Quyết định Chủ trương Đầu tư số 79/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 03 tháng 4 năm 2020, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 11.482,9 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung Nam (gọi tắt là “TNSP”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4500614943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 6 năm 2017, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Trụ sở đăng ký của TNSP đặt tại Thôn Ba Tháp, Xã Bắc Phong, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của TNSP bao gồm sản xuất điện; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Quyết định Chủ trương Đầu tư số 85/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07 tháng 3 năm 2018, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 4.989 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh (gọi tắt là “TNTVSP”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2100639202 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 8 năm 2018, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng. Trụ sở đăng ký của TNTVSP đặt tại PG2-03 Vincom shop house, Đường Phạm Hồng Thái, Khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Hoạt động chính của TNTVSP bao gồm sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện; bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí; cho thuê máy móc, thiết bị; trồng rừng và chăm sóc rừng; khai thác thủy sản, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xây dựng nhà, công trình đường bộ và các công trình kỹ thuật dân dụng khác. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh với thời gian hoạt động là 25 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 8585027362 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh cấp ngày 05 tháng 4 năm 2019, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 3.637.426.184.000 đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam (gọi tắt là “TNP”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5800534680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 8 năm 2007, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 1.308.668.000.000 đồng. Trụ sở đăng ký của TNP đặt tại Thôn 2, Xã Tân Thượng, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hoạt động chính của TNP bao gồm sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện, xây dựng công trình điện; bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu; cho thuê máy móc, thiết bị; trồng trọt và chăn nuôi, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác; thoát nước và xử lý nước thải; vận tải hành khách, hàng hoá đường thủy nội địa, bốc xếp và hoạt động dịch vụ hỗ trợ; hoạt động kiến trúc, tư vấn, kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 2 với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 42121000138 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 3.537.398.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam Krông Nô (gọi tắt là “TNKR”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5800595757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 12 năm 2008, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 624 tỷ đồng. Trụ sở đăng ký của TNKR đặt tại Thôn Đạ Nhim 2, Xã Đạ Tông, Huyện Đam Rông, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hoạt động chính của TNKR bao gồm sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Thủy điện Krông Nô 2 và 3 với thời gian hoạt động là 50 năm theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 42121000843 và 42121000844 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 6 năm 2012, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của hai dự án lần lượt là 1.165 tỷ đồng và 686 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam (gọi tắt là “TNWP”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4500457049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 9 năm 2010, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 1.785.372.000.000 đồng. Trụ sở đăng ký của TNWP đặt tại Thôn Ba Tháp, Xã Bắc Phong, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của TNWP là sản xuất điện. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Điện gió Trung Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 4088008126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21 tháng 01 năm 2015, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 5.719 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Điện gió Phước Hữu Trung Nam (gọi tắt là “TNPHWP”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4500638863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu vào ngày 06 tháng 4 năm 2020, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 521,7 tỷ đồng. Trụ sở đăng ký của TNPHWP đặt tại Thôn Hậu Sanh, Xã Phước Hữu, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của TNPHWP bao gồm sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện; bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí; cho thuê máy móc, thiết bị; trồng rừng và chăm sóc rừng; khai thác thủy sản, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xây dựng nhà, công trình đường bộ và các công trình kỹ thuật dân dụng khác. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Điện gió số 5 Ninh Thuận với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 5288745657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 08 tháng 10 năm 2020, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 1.664 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1 (gọi tắt là “TNTVWP1”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2100649659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu vào ngày 03 tháng 9 năm 2019, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 1.200 tỷ đồng. Trụ sở đăng ký của TNTVWP1 đặt tại PG2-03 Vincom shop house, Đường Phạm Hồng Thái, Khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Hoạt động chính của TNTVWP1 bao gồm sản xuất điện, lắp đặt hệ thống điện; bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xây dựng nhà, công trình đường sắt, đường bộ và các công trình kỹ thuật dân dụng khác. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Điện gió Đông Hải 1 với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2475151700 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10 tháng 11 năm 2020, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 4.990,75 tỷ đồng.

Tại các ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ phần sở hữu của Công ty mẹ tại TNTVWP1 là 3,92%. TNTVSP và TNP, các công ty con của Công ty mẹ, nắm giữ lần lượt 37,5% và 58,5% vốn góp của chủ sở hữu tại TNTVWP1. Theo đó, Công ty mẹ nâng tỷ lệ phần sở hữu từ 3,92% lên 98,64% do tăng tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua 2 công ty con nêu trên. TNTVWP1 trở thành công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 99,92% quyền biểu quyết.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1 (gọi tắt là “TNDKL1WP”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4500622415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 4 năm 2018, và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 3.800 tỷ đồng. Trụ sở đăng ký của TNDKL1WP đặt tại Số 15 Trần Nhật Duật, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Hoạt động chính của TNDKL1WP bao gồm sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, lắp đặt hệ thống điện; bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí; cho thuê máy móc, thiết bị; trồng rừng và chăm sóc rừng; khai thác thủy sản, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xây dựng nhà, công trình đường sắt, đường bộ và các công trình kỹ thuật dân dụng khác. Công ty sở hữu và vận hành Nhà máy Điện gió Ea Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Quyết định Chủ trương Đầu tư số 3282/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31 tháng 12 năm 2020, và các giấy phép điều chỉnh với tổng vốn đầu tư của dự án là 16.500 tỷ đồng.



Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ:

Tên công ty	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc khoản đầu tư
	%	%	
Công ty con trực tiếp			
Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam	100,00	100,00	2.411.409.000.000
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung Nam	50,90	50,90	509.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh	99,93	99,93	1.499.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam	97,86	97,86	1.280.662.820.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam Krông Nô	59,71	59,71	372.571.550.000
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam	64,40	64,40	1.149.706.400.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phước Hữu Trung Nam	99,81	99,81	520.700.000.000
			7.743.049.770.000
Công ty con gián tiếp			
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1	98,64	99,92	1.199.000.000.000
			8.942.049.770.000
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	33,71	33,71	1.281.000.000.000

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung

Các đơn vị chịu sự kiểm soát chung là các đơn vị chịu sự kiểm soát bởi cùng một bên (công ty hoặc cá nhân) hoặc nhiều bên (nhóm công ty hoặc nhóm cá nhân), kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài. Phương pháp hạch toán áp dụng cho hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung được trình bày như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ, không đánh giá lại giá trị hợp lý;
- Không phát sinh lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bị mua được trình bày riêng như một khoản phụ trội hay giảm trừ trong nguồn vốn chủ sở hữu tại chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu"; và
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động các đơn vị được hợp nhất kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, trường hợp Nhóm Công ty chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào các đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bị mua đã được hạch toán trước đây vào chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu" sẽ được kết chuyển sang chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Nhóm Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Nhóm Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Nhóm Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng từ thời điểm phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo.

Phí bảo hiểm được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn trên hợp đồng.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tư vấn và chi phí dịch vụ trả trước, chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Nhóm Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác bao gồm chi phí hoàn nguyên môi trường, chi phí thu dọn, xử lý pin mặt trời, khôi phục và hoàn trả mặt bằng khi hết thời hạn thuê đất. Chính sách kế toán đối với các khoản chi phí này được trình bày tại đoạn "Các khoản dự phòng phải trả".

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Nhóm Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho các khoản chi phí hoàn nguyên môi trường, chi phí thu dọn, xử lý pin mặt trời, khôi phục và hoàn trả mặt bằng khi hết thời hạn thuê đất được trích lập khi thoả mãn các điều kiện nêu trên và các quy định hiện hành có liên quan.

Giá trị khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường, chi phí thu dọn, xử lý pin mặt trời, khôi phục và hoàn trả mặt bằng khi hết thời hạn thuê đất được xác định dựa trên tổng chi phí ước tính để thu dọn, xử lý pin mặt trời, khôi phục và hoàn trả mặt bằng trong tương lai. Khoản chi phí này được vốn hoá vào tài sản dài hạn khác và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng từ thời điểm dự án đi vào vận hành thương mại đến khi hoàn trả mặt bằng hoặc theo thời gian sử dụng của tài sản chính.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay ngắn hạn hoặc dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia và có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Nhóm Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.376.296.570	1.089.700.145
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.779.910.064	33.383.231.701
Tiền đang chuyển	700.329	850.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	635.793.110	-
	87.792.700.073	35.322.931.846

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc bằng hoặc dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 2,9%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng tại các ngân hàng thương mại sẽ đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất hàng năm từ 3,7% đến 4,6%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	-	305.621.064.597
b. Phải thu khách hàng là bên thứ ba	2.071.221.536.629	1.310.170.230.201
- Công ty Mua bán điện (*)	1.575.980.586.440	1.167.573.160.669
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	389.201.174.703	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Uyển	40.941.954.652	40.941.954.652
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	21.148.038.916	33.941.037.406
- Chi nhánh Tây Nguyên - Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	14.749.240.678	-
- Công ty TNHH Quốc tế Việt Luật	4.054.475.039	24.977.335.079
- Khác	25.146.066.201	42.736.742.395
	2.071.221.536.629	1.615.791.294.798

(*) Phải thu khách hàng ngắn hạn đối với Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm số tiền 890.934.303.587 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 605.389.523.330 đồng) dựa trên cơ sở ước tính doanh thu bán điện của Nhóm Công ty, chi tiết như trình bày tại Thuyết minh số 28.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	-	9.936.864.921
b. Trả trước cho người bán là bên thứ ba	616.918.460.422	552.696.471.667
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	596.474.171.306	533.983.260.512
- Sino-Viet Economic & Trading Development (HK) Co., Ltd	6.635.011.250	6.635.011.250
- Khác	13.809.277.866	12.078.199.905
	616.918.460.422	562.633.336.588

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND		VND		VND
		Tăng	Giảm		
a. Ngắn hạn					
Các bên liên quan					
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam (i)	412.000.000.000	586.676.063.834	590.050.000.000	408.626.063.834	
- Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1 (ii)	411.950.000.000	291.266.289.537	590.050.000.000	113.166.289.537	
- Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 2	-	295.409.774.297	-	295.409.774.297	
	50.000.000	-	-	50.000.000	
Bên thứ ba					
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	175.000.000	-	175.000.000	-	
	175.000.000	-	175.000.000	-	
	412.175.000.000	586.676.063.834	590.225.000.000	408.626.063.834	
b. Dài hạn					
Các bên liên quan					
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam (iii)	111.371.000.000	288.629.000.000	-	400.000.000.000	
	111.371.000.000	288.629.000.000	-	400.000.000.000	

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam vay ngắn hạn với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được rút bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức theo các hợp đồng đã ký kết là 114.566.289.537 đồng, đáo hạn trong vòng 01 đến 12 tháng kể từ ngày cho vay. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất đến 12,0%/năm và sẽ được trả một lần cùng với gốc vay vào cuối kỳ hạn thanh toán.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1 vay ngắn hạn với mục đích thanh toán gốc và lãi vay theo hợp đồng vay và lãi vay theo hợp đồng vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam. Khoản vay này có thể được rút bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức theo hợp đồng đã ký kết là 296 tỷ đồng, đáo hạn trong vòng 01 năm kể từ ngày cho vay. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất 11,6%/năm và sẽ được trả một lần cùng với gốc vay vào cuối kỳ hạn thanh toán.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam vay dài hạn với mục đích đầu tư và bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được rút bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức theo các hợp đồng đã ký kết là 400 tỷ đồng, hoàn trả chậm nhất vào ngày nhất vào ngày đến hạn 27 tháng 12 năm 2023. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất cố định 12,0%/năm và được trả hàng quý.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	11.052.924.993	35.816.733.263
- Tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng	191.885.448.680	198.973.801.879
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam (*)	71.757.482.201	93.557.482.201
- Phải thu khác Công ty Mua bán điện (**)	3.327.277.753	3.327.277.753
- Phải thu người lao động	2.878.523.213	3.377.019.597
- Phải thu lãi cho vay	650.920.950	4.507.682.831
- Khác	17.868.867.775	4.245.710.382
	299.421.445.565	343.805.707.906
b. Dài hạn		
- Phải thu ủy thác đầu tư (***)	57.672.859.468	57.672.859.468
- Khác	10.000.000	10.000.000
	57.682.859.468	57.682.859.468

(*) Phải thu khác Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam thể hiện các khoản phải thu do giảm trừ giá trị thi công dự án xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam và phải thu lại tiền ứng trước người bán ngắn hạn sau khi Nhóm Công ty thực hiện quyết toán giá trị thi công dự án trên.

(**) Phải thu khác Công ty Mua bán điện (gọi tắt là "EVN EPTC") liên quan đến sản lượng điện đã cung cấp từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến trước 15 giờ ngày 26 tháng 10 năm 2021 (thời điểm Nhóm Công ty nhận được Văn bản 4083/DĐQG- ĐĐ của Trung tâm điều độ Quốc gia). Theo công văn số 7519/EPTC-KDMĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 của EVN EPTC, EVN EPTC sẽ thanh toán tiền điện cho sản lượng điện được tính từ thời điểm 15 giờ ngày 26 tháng 10 năm 2021, toàn bộ sản lượng điện trước thời điểm trên sẽ tạm chưa thanh toán. Đối với sản lượng điện từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến trước 15 giờ ngày 26 tháng 10 năm 2021, Nhóm Công ty đã nhận được biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Nhóm Công ty và EVN EPTC ký ngày 08 tháng 11 năm 2021 tuy nhiên Nhóm Công ty chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho EVN EPTC. Nhóm Công ty ghi nhận khoản phải thu này vào khoản phải thu ngắn hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và sẽ được xử lý theo văn bản cuối cùng của EVN EPTC.

(***) Phải thu ủy thác đầu tư thể hiện khoản phải thu ông Nguyễn Đăng Nhân – Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam, do Nhóm Công ty ủy thác đầu tư vào dự án giải quyết chống ngập khu vực Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Ủy thác Đầu tư số 2210/021/HDUTDT/TCKT/TNP-NDN ngày 22 tháng 10 năm 2021 với tổng số tiền 57.672.859.468 đồng. Thời hạn ủy thác là 5 năm kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2021. Khoản phải thu này đã được tất toán vào ngày 06 tháng 7 năm 2022.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Sino-Viet Economic & Trading Development (HK) Co., Ltd	6.635.011.250	-	6.635.011.250	-
Doanh nghiệp Tư nhân Lan Phương	278.928.400	-	278.928.400	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Điện Thành Đạt	190.000.000	-	190.000.000	-
Nguyễn Vĩnh Diễm	47.192.000	-	47.192.000	-
Công ty Điện Lực Lâm Đồng	10.480.711	-	10.480.711	-
	7.161.612.361	-	7.161.612.361	-

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	14.369.984.625	-	30.877.926.137	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	12.143.532.276	-	-	-
Hàng hóa	-	-	4.421.150.043	-
Khác	157.689.000	-	75.600.000	-
	26.671.205.901	-	35.374.676.180	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND		VND
a. Ngắn hạn				
- Chi phí mua bảo hiểm		4.500.870.689		7.666.903.210
- Chi phí dịch vụ trả trước		5.421.586.979		2.394.254.948
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		826.181.163		611.134.152
- Khác		2.019.131.307		16.165.717
		12.767.770.138		10.688.458.027
b. Dài hạn				
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)		27.251.554.916		28.024.257.560
- Chi phí tư vấn thu xếp vốn vay		25.249.943.953		27.140.816.876
- Chi phí thí nghiệm, hiệu chỉnh		5.798.173.956		-
- Chi phí sửa chữa và bảo trì		5.505.467.737		6.023.987.916
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		3.658.073.236		4.598.688.449
- Chi phí trồng rừng và chăm sóc rừng		653.276.001		-
- Khác		8.126.827.699		14.592.617.034
		76.243.317.498		80.380.367.835

(*) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng thể hiện các khoản chi phí đền bù, di dời chỗ ở cho người dân do nước trong đập thủy điện của Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 2 dâng lên trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty theo các Quyết định trong năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, phần diện tích của mặt bằng sau khi được giải phóng, đền bù thuộc quyền sử dụng của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	13.858.048.327.839	20.946.207.596.639	201.642.887.147	361.384.480	35.006.260.196.105
Mua trong kỳ	349.818.182	2.479.929.699	-	38.010.000	2.867.757.881
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	446.934.934.205	17.413.740.870	-	-	464.348.675.075
Điều chỉnh khác	(54.782.906)	(30.321.203.138)	-	-	(30.375.986.044)
Phân loại lại	(97.992.253.173)	97.992.253.173	-	-	-
Số dư cuối kỳ	14.207.286.044.147	21.033.772.317.243	201.642.887.147	399.394.480	35.443.100.643.017
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Số dư đầu kỳ	1.155.573.339.398	1.928.915.871.605	56.936.043.212	311.565.470	3.141.736.819.685
Khấu hao trong kỳ	286.682.209.764	520.379.423.686	4.071.691.729	-	811.133.325.179
Phân loại lại	(10.555.062.178)	10.572.562.178	(67.319.010)	49.819.010	-
Số dư cuối kỳ	1.431.700.486.984	2.459.867.857.469	60.940.415.931	361.384.480	3.952.870.144.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	12.702.474.988.441	19.017.291.725.034	144.706.843.935	49.819.010	31.864.523.376.420
Tại ngày cuối kỳ	12.775.585.557.163	18.573.904.459.774	140.702.471.216	38.010.000	31.490.230.498.153

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24, Nhóm Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 30.963.589.549.202 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 31.203.973.889.940 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty có một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 606.345.001 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 606.345.001 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm 2.067.616.766.816 đồng là nguyên giá tạm tính của hạng mục công trình Trạm biến áp 500 KV và các đường dây đầu nối. Theo văn bản số 3691/UBND-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận gửi Bộ Công Thương, Nhóm Công ty sẽ bàn giao lại các hạng mục công trình Trạm biến áp 500 KV và các đường dây đầu nối cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "EVN") quản lý, vận hành đồng thời không yêu cầu hoàn trả kinh phí đầu tư. Hiện nay, Nhóm Công ty đang làm việc với EVN và các bên có liên quan về phương án bàn giao Trạm biến áp 500KV và các đường dây đầu nối.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	376.271.124.140
Điều chỉnh khác	138.776.721
Số dư cuối kỳ	<u>376.409.900.861</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	17.909.404.184
Khấu hao trong kỳ	3.962.209.620
Số dư cuối kỳ	<u>21.871.613.804</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	<u>358.361.719.956</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>354.538.287.057</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Dự án Thủy điện Đắkgùi	2.717.793.289	2.717.793.289
Dự án Nhà máy Điện gió Trung Nam giai đoạn 3 - 48 MW	-	6.000.000.000
Dự án Thủy điện Đồng Nai 2	-	540.795.236
Khác	542.395.236	-
	<u>3.260.188.525</u>	<u>9.258.588.525</u>

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Đầu tư vào công ty liên kết	1.281.482.719.593	1.281.000.000.000
Phần (lỗ)/lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(145.900.629.957)	482.719.593
	<u>1.135.582.089.636</u>	<u>1.281.482.719.593</u>

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tổng tài sản	14.752.681.039.838	14.325.281.722.727
Tổng công nợ	(11.384.053.451.534)	(10.523.849.767.649)
Tài sản thuần	3.368.627.588.304	3.801.431.955.078
Tài sản thuần của Nhóm Công ty trong công ty liên kết	<u>1.135.582.089.636</u>	<u>1.281.482.719.593</u>
	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu	401.210.532.686	-
Lỗ trong kỳ	(432.804.366.774)	-
Lỗ của Nhóm Công ty trong công ty liên kết	<u>(145.900.629.957)</u>	-

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.512.926.125	4.702.932.641
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.512.926.125	4.702.932.641

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác bao gồm chi phí hoàn nguyên môi trường, chi phí thu dọn, xử lý pin mặt trời, khôi phục và hoàn trả mặt bằng khi hết thời hạn thuê đất. Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2022, Nhóm Công ty đã phân bổ 9.049.967.424 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	6.137.842.192	4.207.052.622
b. Phải trả người bán là bên thứ ba	463.173.669.793	825.036.765.562
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Kỹ thuật Trung Nam	66.839.422.023	68.627.957.452
- Green Cosmos Marketing Pte Ltd.	57.368.894.910	60.728.804.725
- Công ty TNHH Enercon Việt Nam	57.205.170.000	57.205.170.000
- Công ty TNHH Tuabin nước Trùng Khánh	56.753.845.576	56.078.289.928
- Công ty Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	41.088.018.451	191.129.249.041
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	30.808.492.000	30.808.492.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	29.149.325.360	27.695.425.360
- Jinkosolar Middle East DMCC	-	118.792.711.655
- Phải trả cho các đối tượng khác	123.960.501.473	213.970.665.401
	469.311.511.985	829.243.818.184

Nhóm Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải thu/phải nộp trong kỳ VND	Số thực thu/thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	68.334.414.526	182.678.423.739	161.810.123.780	89.202.714.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.503.278.897	4.364.803.789	3.366.443.807	12.501.638.879
Thuế thu nhập cá nhân	273.926.803	2.338.654.282	1.597.568.920	1.015.012.165
Thuế và các khoản phải thu khác	(510.028.747)	510.028.747	-	-
Thuế và các khoản phải nộp khác	31.459.423.099	24.920.677.713	44.743.221.898	11.636.878.914
	111.061.014.578	214.812.588.270	211.517.358.405	114.356.244.443
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	510.028.747			-
- Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	111.571.043.325			114.356.244.443

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	8.929.558.833	-
- Lãi vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	8.929.558.833	-
b. Chi phí phải trả các bên thứ ba	1.218.359.043.382	742.459.903.883
- Chi phí đầu tư xây dựng	1.010.054.138.803	592.546.538.325
- Chi phí lãi vay trích trước	143.524.174.933	102.902.698.090
- Chi phí triển khai Dự án Nhà máy Điện gió Trung Nam	25.331.792.204	16.224.092.757
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.710.966.292	27.099.967.789
- Chi phí khác	23.737.971.150	3.686.606.922
	1.227.288.602.215	742.459.903.883

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải trả khác các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	1.378.305.097.332	1.198.132.738.320
- Phải trả ông Nguyễn Ngọc Thảo do góp vốn dư (*)	18.915.506.077	38.415.506.077
- Cổ tức, lãi vay và các khoản phải trả khác	1.359.389.591.255	1.159.717.232.243
b. Phải trả khác các bên thứ ba	37.441.303.956	20.597.653.206
- Lãi vay và các khoản phải trả khác	37.441.303.956	20.597.653.206
	1.415.746.401.288	1.218.730.391.526

(*) Phải trả ông Nguyễn Ngọc Thảo thể hiện khoản tiền còn lại phải trả do góp vốn dư tại Công ty Cổ phần Điện gió Phước Hữu Trung Nam - công ty con sau khi thực hiện cần trừ công nợ ba bên theo Biên bản thoả thuận số 3112/021/BBTT/TCKT/TNG-NNT-PH ký ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Điện gió Phước Hữu Trung Nam - công ty con, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam - Công ty mẹ của Tập đoàn và ông Nguyễn Ngọc Thảo. Khoản phải trả này đã được tất toán tại ngày 07 tháng 7 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

23. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND		VND		VND
	Tăng	Giảm	Phân loại từ vay dài hạn		
Vay ngắn hạn (*)	1.337.654.524.804	(2.134.171.912.557)	-	-	1.736.044.779.354
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	2.204.024.682.080	(892.360.621.857)	996.486.403.687	996.486.403.687	2.308.150.463.910
- Mệnh giá trái phiếu phát hành	963.846.400.000	(338.800.000.000)	440.657.200.000	440.657.200.000	1.065.703.600.000
- Vay ngân hàng	1.164.793.281.947	(478.175.621.724)	458.579.203.687	458.579.203.687	1.145.196.863.910
- Vay bên liên quan	75.385.000.133	(75.385.000.133)	-	-	-
- Nợ khác (iv)	-	-	97.250.000.000	97.250.000.000	97.250.000.000
	3.541.679.206.884	(3.026.532.534.414)	996.486.403.687	996.486.403.687	4.044.195.243.264

(*) Trong đó, vay ngắn hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trái phiếu phát hành		
- Loại phát hành theo mệnh giá (i)	1.500.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành	(110.000.000)	(1.653.583.408)
Vay ngân hàng		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (ii)	233.644.779.354	95.000.000.000
Vay bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trung Nam (iii)	2.510.000.000	844.308.108.212
	1.736.044.779.354	1.337.654.524.804

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

(i) Trái phiếu phát hành thể hiện trái phiếu riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tư vấn và bảo lãnh phát hành. Tổng số lượng trái phiếu phát hành là 15 triệu trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, tương đương 1.500 tỷ đồng. Trái phiếu được phát hành với mục đích cho các công ty con vay để thanh toán các khoản nợ vay, công nợ và sử dụng vào các hoạt động sản xuất kinh doanh cần thiết khác. Trái phiếu này đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, chịu lãi suất cố định 11,5%/năm và được trả mỗi 6 tháng. Trái phiếu này không được chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh của Nhóm Công ty. Khoản vay này có thể được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức theo hợp đồng đã ký kết là 350 tỷ đồng, duy trì đến ngày 31 tháng 7 năm 2022 hoàn trả theo từng kế ước với thời hạn không quá 6 tháng/lần. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau được niêm yết tại ngân hàng cộng biên 3,5%/năm theo từng kỳ điều chỉnh mỗi tháng và được trả hàng tháng.

(iii) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh của Nhóm Công ty. Khoản vay này có thể được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức theo hợp đồng đã ký kết là 50 tỷ đồng, duy trì trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2022. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 8%/năm và được trả một lần cùng với gốc vay vào cuối kỳ hạn thanh toán. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(iv) Nợ khác thể hiện khoản tiền mượn ông Nguyễn Đình Phúc theo Hợp đồng tiền mượn số 0803/019/HDTM/TCKT/TNP-NDP ngày 08 tháng 3 năm 2019 với hạn mức là 99,9 tỷ đồng, thời hạn mượn là 4 năm kết thúc ngày 07 tháng 3 năm 2023. Khoản tiền mượn này không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

24. VAY DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND		VND		VND
	Tăng	Giảm	Phân loại lại sang vay ngắn hạn		
Trái phiếu phát hành (*)					
- Loại phát hành theo mệnh giá	7.325.214.600.000	-	(440.657.200.000)		7.172.496.400.000
- Chi phí phát hành	(83.396.359.809)	9.600.514.005	-		(90.277.620.804)
Vay ngân hàng (**)	11.898.567.484.308	-	(458.579.203.687)		12.009.788.280.621
Vay các bên liên quan	570.000.000.000	(570.000.000.000)	-		-
Nợ khác	97.250.000.000	-	(97.250.000.000)		-
	19.807.635.724.499	841.257.225.000	(560.399.485.995)	(996.486.403.687)	19.092.007.059.817

Trái phiếu phát hành

(*) Trái phiếu phát hành bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Mệnh giá		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (a)	2.570.000.000.000	2.750.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (b)	5.268.200.000.000	5.427.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư AZA (c)	178.810.000.000	64.704.000.000
Các cá nhân khác (c)	221.190.000.000	47.357.000.000
	8.238.200.000.000	8.289.061.000.000
Chi phí phát hành	(90.277.620.804)	(83.396.359.809)
	8.147.922.379.196	8.205.664.640.191

Các khoản vay dưới dạng trái phiếu bao gồm:

- (a) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn thể hiện giá trị trái phiếu đã phát hành. Mục đích của việc phát hành trái phiếu là huy động nguồn vốn xây dựng Nhà máy Điện Mặt trời Trung Nam. Khoản vay có kỳ hạn trả nợ tối đa 9 năm, chịu lãi suất 10,5%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên, 3 tháng tính lãi một lần từ thời điểm giải ngân đến khi khoản vay đáo hạn, mức lãi suất của các kỳ tính lãi tiếp theo công bố tại trang web chính thức của Ngân hàng. Khoản vay sẽ đáo hạn vào năm 2028.
- (b) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - chi nhánh Bến Thành thể hiện giá trị trái phiếu đã phát hành từ năm 2020. Mục đích của việc phát hành trái phiếu là huy động nguồn vốn xây dựng Nhà máy Điện Mặt trời Trung Nam Thuận Nam. Khoản vay có kỳ hạn trả nợ tối đa 9 năm, chịu lãi suất 10,1% đến 10,5%/năm cho 4 kỳ đầu tiên tùy thuộc vào thỏa thuận của kỳ phát hành trái phiếu, mỗi kỳ tính lãi là 3 tháng tính từ thời điểm giải ngân đến khi khoản vay đáo hạn, mức lãi suất của các kỳ tính lãi tiếp theo công bố tại trang web chính thức của Ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ nguồn vốn đầu tư Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam. Khoản vay này sẽ đáo hạn năm 2029.
- (c) Vay dài hạn thể hiện giá trị trái phiếu đã phát hành trong năm với tổng hạn mức là 400 tỷ đồng. Mục đích của việc phát hành trái phiếu là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty. Trái phiếu phát hành có kỳ hạn 2 năm, chịu lãi suất 11,5%/năm cho suốt vòng đời của trái phiếu. Mỗi kỳ tính lãi của trái phiếu là 3 tháng tính từ thời điểm thu tiền đến khi đáo hạn trái phiếu. Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ định kỳ dựa trên kỳ hạn của trái phiếu (02 năm) theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản trái phiếu được đáo hạn theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.065.703.600.000	963.846.400.000
Trong năm thứ hai	1.588.091.712.072	1.192.242.866.698
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.938.622.193.435	3.696.341.362.984
Sau năm năm	1.645.782.494.493	2.436.630.370.318
	8.238.200.000.000	8.289.061.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(1.065.703.600.000)	(963.846.400.000)
Số phải trả sau 12 tháng	7.172.496.400.000	7.325.214.600.000

Vay dài hạn

(**) Vay các ngân hàng thương mại bao gồm:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh (1)	2.219.725.000.000	2.282.225.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Triệu (2)	733.600.000.000	811.950.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (3)	1.210.140.000.000	1.220.140.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II (4)	495.155.231.559	582.835.231.559
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (5)	1.015.952.408.500	1.077.552.408.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (6)	1.930.156.800.000	1.980.772.800.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (7)	569.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (8)	3.196.441.000.000	3.196.441.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn (9)	1.784.014.704.472	1.911.444.326.196
	13.154.985.144.531	13.063.360.766.255

(1) Các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh bao gồm:

(d) Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6380-LAV-202101865 ngày 19 tháng 3 năm 2021, trong thời hạn 13 năm với tổng giá trị là 987 tỷ đồng và kỳ hạn trả nợ gốc là 12 tháng một lần sau thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không vượt quá 3 tháng kể từ khi toàn bộ dự án có nguồn thu từ bán điện. Khoản vay này được đảm bảo bằng tổng giá trị tài sản hình thành dự án Nhà máy điện gió số 5 – Ninh Thuận, với mức lãi suất tham chiếu cộng với 2,5%/năm, nhưng không thấp hơn 9%/năm.

(e) Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6380-LAV-201909122 ngày 26 tháng 10 năm 2019 có hạn mức tín dụng là 1.500 tỷ đồng với thời hạn vay 11 năm. Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị đủ điều kiện là tài sản cố định của dự án nhà máy điện gió Trung Nam giai đoạn 2. Khoản vay có lãi suất được điều chỉnh 12 tháng/lần, lãi suất 9,5%/năm trong năm đầu tiên. Từ tháng 11 năm 2020, khoản vay chịu lãi suất là 9%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ dự án Nhà máy điện gió Trung Nam giai đoạn 2 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 6380-LCL-201900818 ngày 26 tháng 10 năm 2019; hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 6380-LCL-201900819 ngày 26 tháng 10 năm 2019.

(2) Các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Triệu theo Hợp đồng tín dụng số 6110-LAV-201900849 ký ngày 27 tháng 12 năm 2019. Các khoản vay này được sử dụng để trả nợ trước hạn đối với khoản vay của Nhóm Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc để thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Krông Nô 2 và 3, có thời hạn là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với Thủy điện Krông Nô 2 (đáo hạn ngày 27 tháng 12 năm 2026) và 72 tháng đối với Thủy điện Krông Nô 3 (đáo hạn ngày 27 tháng 12 năm 2025). Khoản vay có lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất 10,5%/năm trong năm đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành sau đầu tư của công trình Thủy điện Krông Nô 2 và 3.

- (3) Các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo các hợp đồng tín dụng số 04/2009/HĐTĐĐT-NHPT ngày 11 tháng 11 năm 2009, 01/2012/HĐTĐĐT-NHPT ngày 30 tháng 7 năm 2012 và 02/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 04 tháng 7 năm 2014 với tổng hạn mức theo các hợp đồng đã ký kết là 1.532.780.000.000 đồng. Các khoản vay này được sử dụng để đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 2. Các khoản vay này chịu lãi suất cố định 6,9 % và 12%/năm hoặc lãi suất thả nổi được quy định cho từng thời kỳ và lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.
- (4) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTĐĐT-NHPT ngày 29 tháng 4 năm 2017 có hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ đồng với thời hạn vay 12 năm. Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị đủ điều kiện là tài sản cố định thuộc dự án nhà máy điện gió Trung Nam giai đoạn 1. Khoản vay có lãi suất được điều chỉnh mỗi lần giải ngân, lãi suất 8,55%/năm trong năm đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Nhà máy điện gió Trung Nam giai đoạn 1 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 14/2017/HĐTCTS-NHPT ngày 29 tháng 4 năm 2017, hợp đồng số 47/2018/HĐTCTS-NHOT ngày 22 tháng 5 năm 2018 và hợp đồng số 76/2018/HĐTCTS-NHPT ngày 07 tháng 12 năm 2018.
- (5) Các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 266/2020-HĐCVDADT/NHCT124-TNWP ngày 05 tháng 10 năm 2020 có hạn mức tín dụng là 1.123 tỷ đồng với thời hạn vay 12 năm. Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị đủ điều kiện là tài sản cố định của dự án nhà máy điện gió Trung Nam giai đoạn 3. Khoản vay có lãi suất cố định hai năm đầu là 8,6%/năm và lãi suất điều chỉnh cho những năm tiếp theo. Tài sản đảm bảo cho khoản vay được quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản từ số 254 đến 260/2020/HĐBĐ/NHCT124-TNWP, ký ngày 24 tháng 9 năm 2020, và hợp đồng thế chấp cổ phần số 102/2021/HĐBĐ/NHCT124-TNWP ngày 17 tháng 5 năm 2021, bao gồm: hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng và lắp đặt Dự án nhà máy điện gió Trung Nam – Giai đoạn 3 (Dự án giai đoạn 3); các tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án giai đoạn 3 và các quyền, lợi ích liên quan đến các tài sản này; 12 turbine gió thuộc Dự án giai đoạn 3, trạm biến áp hợp bộ 22kV và trạm biến áp 110kV; hợp đồng mua bán điện số 07/2016 HĐ-NMĐG TRUNG NAM ngày 15 tháng 7 năm 2016; và toàn bộ 178.537.200 cổ phần với giá trị tính theo mệnh giá là 1.785.372.000.000 đồng của các cổ đông của Nhóm Công ty.
- (6) Khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 2.400 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay dài hạn là tài trợ huy động nguồn vốn xây dựng Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam. Khoản vay có kì hạn trả nợ tối đa 9 năm, chịu lãi suất 10,4%/năm cho 4 tháng đầu tiên, 10,5%/năm cho 8 tháng tiếp theo và mức lãi suất của các kỳ tính lãi tiếp theo áp dụng bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng trả sau cộng với mức biên 3,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ nguồn vốn đầu tư Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào năm 2029.
- (7) Khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng với hạn mức tín dụng là 570 tỷ đồng theo hợp đồng tín dụng ký kết ngày 21 tháng 3 năm 2022. Mục đích của khoản vay là để thanh toán nợ gốc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Trung Nam liên quan đến Hợp đồng vay số 3000/015/HĐ/TCKT/TNG ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay là 12 năm từ ngày 21 tháng 3 năm 2022. Lãi suất sẽ được tính dựa trên lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng công bố + biên độ 2,7%/năm; từ năm thứ hai trở đi là biên độ 3,2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng công trình xây dựng gắn liền với đất và máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 2; toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Trung Nam tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam theo Hợp đồng thế chấp cổ phần số 009/TDN/22TD; Bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện của Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam đối với toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng; toàn bộ tài sản là công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Điện gió Đông Hải 1 do Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1 làm chủ đầu tư.

- (8) Các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn trong 168 tháng với tổng giá trị là 3.196.441.000.000 đồng, chịu lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tổng giá trị tài sản hình thành dự án Điện gió Đông Hải 1 theo Hợp đồng thế chấp số 0121/2021/STN ký ngày 23 tháng 4 năm 2021, tiền gửi tiết kiệm thuộc sở hữu của bà Đào Thị Minh Huệ theo Hợp đồng cầm cố số 0130/2021/STN ký ngày 23 tháng 4 năm 2021, và phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam với giá trị là 960 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp số 0099/2021/STN ký ngày 15 tháng 4 năm 2021. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, phần vốn góp này đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh với giá trị 450 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam với giá trị 510 tỷ đồng.
- (9) Các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng số 30927.19.1104691439 ký ngày 10 tháng 4 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 2.100 tỷ đồng và hợp đồng tín dụng số 1367.20.1104691439 ký ngày 10 tháng 01 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng được sử dụng để mở rộng dự án Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh tại Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh. Thời gian trả nợ vay là 10 năm, chia thành 36 kỳ trả nợ. Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng biên 2,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bởi nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị. Ngoài ra khoản vay này còn được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất của các lô đất tại xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.145.196.863.910	1.240.178.282.080
Trong năm thứ hai	4.271.813.484.335	1.816.829.243.485
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.047.082.453.006	6.900.752.691.994
Sau năm năm	3.690.892.343.280	3.848.235.548.829
	<u>13.154.985.144.531</u>	<u>13.805.995.766.388</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	<u>(1.145.196.863.910)</u>	<u>(1.240.178.282.080)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>12.009.788.280.621</u>	<u>12.565.817.484.308</u>

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Dự phòng hoàn nguyên môi trường	399.682.308.947	399.682.308.947
	<u>399.682.308.947</u>	<u>399.682.308.947</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Cổ phần được phép phát hành	908.304.977	9.083.049.770.000	908.304.977	9.083.049.770.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	908.304.977	9.083.049.770.000	908.304.977	9.083.049.770.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty mẹ.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	9.083.049.770.000
Tăng vốn	9.083.049.770.000	-	-	18.559.900.381	77.872.443.333
Lợi nhuận trong năm	-	-	59.312.542.952 (309.040.977)	(6.758.023)	(315.799.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.402.960.844.112	1.415.309.981.832
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	12.349.137.720	-	-	4.546.864.798
Điều chỉnh khác	-	4.546.864.798	-	-	10.580.463.260.963
Số dư đầu kỳ này	9.083.049.770.000	16.896.002.518	59.003.501.975	1.421.513.986.470	10.580.463.260.963
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	370.335.759.505	109.783.817.027	480.119.576.532
Cổ tức công bố (*)	-	-	(318.815.046.576)	(5.959.957.776)	(324.775.004.352)
Điều chỉnh khác	-	-	(366.783.081)	366.783.081	-
Số dư cuối kỳ này	9.083.049.770.000	16.896.002.518	110.157.431.823	1.525.704.628.802	10.735.807.833.143

(*)

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/022/NQ/TNRE ngày 28 tháng 3 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ công bố tạm ứng cổ tức quý I năm 2022 với giá trị 351 đồng/cổ phiếu cho các cổ đông, tương đương 318.815.046.576 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa thanh toán hết số cổ tức trên do các cổ đông chưa làm thủ tục đề nghị nhận cổ tức.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 9.083.049.770.000 đồng. Tại các ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn thực góp	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	6.741.345.020.000	74,22	6.741.345.020.000	6.741.345.020.000
Đào Thị Minh Huệ	752.537.000.000	8,28	752.537.000.000	752.537.000.000
Nguyễn Tâm Tiến	570.215.250.000	6,28	570.215.250.000	570.215.250.000
Nguyễn Tâm Thịnh	542.885.000.000	5,98	542.885.000.000	542.885.000.000
Nguyễn Đăng Nhân	246.497.500.000	2,71	246.497.500.000	246.497.500.000
Nguyễn Ngọc Thảo	229.570.000.000	2,53	229.570.000.000	229.570.000.000
	9.083.049.770.000	100,00	9.083.049.770.000	9.083.049.770.000

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, truyền tải và phân phối điện là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty. Vì vậy, Tổng Giám đốc cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần về bán điện (*)	2.748.433.003.137	-
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	261.700.021.758	-
	3.010.133.024.895	-

(*) Doanh thu thuần về bán điện của Nhóm Công ty bao gồm khoản doanh thu trích trước với số tiền 285.544.780.257 đồng dựa trên cơ sở ước tính doanh thu bán điện, chi tiết như sau:

Dự án điện mặt trời với công suất 450MW ("Dự án") kết hợp trạm biến áp 500KV và đường dây tải điện 500KV của Nhóm Công ty tại Xã Phước Minh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định Chủ trương Đầu tư số 79/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 03 tháng 4 năm 2020, và các giấy phép điều chỉnh, đã đi vào vận hành thương mại vào ngày 01 tháng 10 năm 2020 và có thể phát điện hòa vào lưới điện quốc gia theo đơn giá bán điện 9,35 US cents/kWh trong vòng 20 năm dựa trên Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam và Hợp đồng mua bán điện giữa Nhóm Công ty và Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "EVN") số 05/2020/HĐ-NMĐMT-THUANNAM.NT ký ngày 25 tháng 5 năm 2020.

Phần sản lượng điện của Dự án bao gồm:

- (1) Phần sản lượng điện tương ứng với công suất 277,88 MW đã xác định được giá bán điện là 9,35 US cents/kWh (quy đổi ra VND theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát hành hóa đơn); và
- (2) Phần sản lượng điện tương ứng với công suất 172,12 MW chưa được EVN xác định đơn giá mua bán điện do phần công suất này vượt quá công suất tích lũy 2.000 MW đối với các dự án điện mặt trời thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế-xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023.

Cơ chế và khung giá bán điện đối với phần công suất 172,12 MW (cũng như các dự án điện mặt trời khác) đang được Chính phủ tích cực giải quyết. Trong thời gian chờ đợi cơ chế và khung giá này, EVN đã tiếp tục huy động sản lượng điện phát lên lưới điện quốc gia của Nhóm Công ty dựa trên biên bản xác nhận sản lượng điện ghi nhận hàng tháng giữa EVN và Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với phần công suất 172,12 MW trong 6 tháng đầu năm 2022 là 285.544.780.257 đồng theo giá bán được ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn về bán điện	1.005.817.391.333	-
Giá vốn về bán hàng hóa	260.826.551.526	-
	1.266.643.942.859	-

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.181.081.066	-
Chi phí nhân công	20.830.420.440	6.600.000
Chi phí dự phòng hoàn nguyên	9.049.967.424	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	815.095.534.799	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.594.270.466	1.040.000
Chi phí khác bằng tiền	19.518.793.801	3.790.060
	1.042.270.067.996	11.430.060

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền cho vay	47.505.090.807	206.465.754
Lãi tiền gửi	315.910.115	22.663
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.839.431.670	-
Lãi mua hàng trả chậm	5.785.414.644	-
	58.445.847.236	206.488.417

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.119.591.586.985	-
Chi phí phát hành trái phiếu	10.605.725.089	-
Phí tư vấn tài chính	1.547.990.174	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.029.249.429	-
Chi phí tài chính khác	1.933.573.274	-
	1.134.708.124.951	-

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	11.131.991.330	6.600.000
Chi phí vật tư và đồ dùng	1.842.755.886	-
Chi phí khấu hao	1.987.108.203	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.379.972.470	1.040.000
Chi phí khác	8.110.848.774	3.790.060
	36.452.676.663	11.430.060

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	482.637.441.047	195.058.357
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	(613.596.490.616)	-
Cộng: Lỗi đầu tư vào công ty liên kết	145.900.629.957	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	18.049.739.762	-
Cộng: Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ	48.108.305.525	-
Thu nhập tính thuế	81.099.625.675	195.058.357
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thông thường 20%	1.819.178.098	-
Thu nhập tính thuế theo thuế suất ưu đãi	79.280.447.577	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.327.857.999	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.809.993.484)	-
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.809.993.484)	-

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Riêng đối với các dự án đầu tư được áp dụng ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn, giảm thuế theo các quy định hiện hành của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, theo Quyết định Chủ trương Đầu tư, Giấy chứng nhận Đăng kí Đầu tư hoặc các công văn về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Đối với Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động của dự án. Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2020).
- Đối với Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động của dự án. Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2019).
- Đối với Nhà máy Điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (năm 2019). Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2019).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 2, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (năm 2014). Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2015).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Krông Nô 2 và 3, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (năm 2016). Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2017).
- Đối với Nhà máy Điện gió Trung Nam, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (năm 2019). Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2020).
- Đối với Nhà máy Điện gió số 5 – Ninh Thuận, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (năm 2021). Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2021).
- Đối với Nhà máy Điện gió Đông Hải 1, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (năm 2021). Nhóm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Nhóm Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2021).

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	480.119.576.532	195.058.357
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát	109.783.817.027	-
- Cổ đông của Công ty mẹ	370.335.759.505	195.058.357
Trừ: trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	370.335.759.505	195.058.357
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	908.304.977	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	408	163

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cho mượn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	22.200.000.000	-
Cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	579.895.289.537	11.950.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	295.409.774.297	-
	875.305.063.834	11.950.000.000
Nhận lại gốc vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	590.050.000.000	-
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	47.060.932.825	206.465.754
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	93.883.654	-
	47.154.816.479	206.465.754
Vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	799.027.387.753	-
Trả nợ vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	2.286.210.496.098	-
Lãi vay và chi phí tài chính khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	72.000.330.115	-
Chi hộ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	5.810.271.261	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	367.170.210	-
Công ty Cổ phần Cơ giới Trung Nam Miền Nam	307.389.048	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Kỹ thuật Trung Nam	73.305.026	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Trung Nam Cà Ná	27.819.405	-
	6.585.954.950	-
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	10.000.000.000
Bà Đào Thị Minh Huệ	-	1.000.000.000
Ông Nguyễn Tâm Tiến	-	1.000.000.000
	-	12.000.000.000
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	236.621.209.851	-
Bà Đào Thị Minh Huệ	26.488.173.700	-
Ông Nguyễn Tâm Tiến	20.014.555.275	-
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	19.055.263.500	-
Ông Nguyễn Đăng Nhân	8.652.062.250	-
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	8.057.907.000	-
Hitachi Sustainable Energy Ltd.	4.073.326.400	-
Khác	1.812.506.376	-
	324.775.004.352	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	-	305.343.864.597
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Trung Nam (đến ngày 29 tháng 6 năm 2022)	-	277.200.000
	<u>-</u>	<u>305.621.064.597</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	9.936.864.921
	<u>-</u>	<u>9.936.864.921</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	113.166.289.537	411.950.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắk Lắk 1	295.409.774.297	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 2	50.000.000	50.000.000
	<u>408.626.063.834</u>	<u>412.000.000.000</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	10.309.234.001	35.399.165.811
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	473.690.992	197.567.452
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 3	70.000.000	70.000.000
Ông Đỗ Văn Kiên	200.000.000	150.000.000
	<u>11.052.924.993</u>	<u>35.816.733.263</u>
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	400.000.000.000	111.371.000.000
	<u>400.000.000.000</u>	<u>111.371.000.000</u>
Phải thu dài hạn khác		
Ông Nguyễn Đăng Nhân	57.672.859.468	57.672.859.468
	<u>57.672.859.468</u>	<u>57.672.859.468</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	6.137.842.192	4.207.052.622
	<u>6.137.842.192</u>	<u>4.207.052.622</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	8.929.558.833	-
	<u>8.929.558.833</u>	<u>-</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	894.267.975.744	927.345.088.885
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	232.546.118.251	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	57.650.000.000	139.650.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Gia Lai – Xã Trang	9.133.664	-
Công ty Cổ phần Trung Nam	-	47.866.487
Bà Đào Thị Minh Huệ	119.103.690.571	92.615.516.871
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	26.873.413.077	-
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	19.055.263.500	-
Ông Nguyễn Tâm Tiến	20.014.555.275	-
Ông Nguyễn Đăng Nhân	8.652.062.250	38.415.506.077
Ông Đỗ Văn Kiên	74.125.000	-
Ông Vũ Nhật Thành	58.760.000	58.760.000-
	<u>1.378.305.097.332</u>	<u>1.198.132.738.320</u>
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	2.510.000.000	844.308.108.212
	<u>2.510.000.000</u>	<u>844.308.108.212</u>
Vay dài hạn đến hạn phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	75.385.000.133
	<u>-</u>	<u>75.385.000.133</u>

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	570.000.000.000

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số trình bày lại VND
Chi phí trả trước dài hạn	261	463,709,625,940	(383,329,258,105)	80,380,367,835
Tài sản dài hạn khác	268	-	383,329,258,105	383,329,258,105

38. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được Tổng Giám đốc Nhóm Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Trịnh Thuỳ Chi
Người lập biểu

Đinh Tấn Phi
Kế toán trưởng



Lê Như Phước An
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2022

